

Bản án số : 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày : 21/01/2025

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung  
và chia tài sản chung của vợ chồng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH - GIA LAI**  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo
- Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Hoàng Thị Bình;  
+ Bà Nguyễn Thị Kim Hậu.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận – Thư ký TAND huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh – Gia Lai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Diệp

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử TAND huyện Chư Păh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” và thụ lý bổ sung số: 39a/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2024 về việc “Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 39a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984 (Có mặt)  
Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 04 tháng 6 năm 2024, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu nhau một thời gian và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai vào năm 2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 05 năm đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân là do anh T gia trưởng, bảo thủ, mọi việc đều tự ý quyết định mà không hỏi ý kiến vợ con, không làm chủ được bản thân. Mâu thuẫn đỉnh điểm xảy ra vào tháng 3/2024, anh T nhậ nhệ về đánh đập vợ và chửi mắng vợ, con và đuổi chị ra khỏi nhà nên anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh T không thể chung sống với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: anh chị có 02 con chung: Nguyễn Đức M, sinh ngày 15/11/2005 và Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 20/12/2009.

Vì con chung Nguyễn Đức M đã trưởng thành, có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Chị có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Thị Hồng T1

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia theo pháp luật những tài sản sau:

- Đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 97 có diện tích 1783,1m<sup>2</sup> tại Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- Thửa đất số 944, tờ bản đồ số 09, diện tích 279,1m<sup>2</sup> tại Khu C, thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Thửa đất số 17 dãy H, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m<sup>2</sup> tại Thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**Tài sản trên được Hội đồng định giá như sau:**

- Đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 97 có diện tích 1783,1m<sup>2</sup> tại Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất có tứ cận:

Phía Bắc giáp vườn cà phê nhà ông K;

Phía Tây giáp đất nhà ông B;

Phía Nam giáp đất đường bê tông 3m;

Phía Đông giáp đất nhà ông K (Đất 01).

Diện tích đất thực tế phù hợp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên đất có: 01 căn nhà chính trị giá: 343.584.231 đồng; Chuồng heo, chuồng gà, kho, nhà tạm trị giá: 14.543.070 đồng; Cổng, trụ, tường rào, giếng trị giá: 4.301.800 đồng; Giá trị đất: 303.127.000 đồng; giá trị cây cối trên đất: 12.611.250 đồng. Tổng giá trị: 678.167.351 đồng.

- Thửa đất số 17 dãy H, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m<sup>2</sup> tại Thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất có tứ cận:

Phía Bắc giáp đường nhựa 12m;

Phía Tây giáp lô đất H16;

Phía Đông giáp lô đất H18;

Phía Nam giáp lô đất H50.

Diện tích thực tế phù hợp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất  
Giá trị thửa đất: 549.900.000 đồng

- Thừa đất số 944 (nay là thửa 10055), tờ bản đồ số 09, diện tích 279,1m<sup>2</sup> tại Khu C, thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định. Đất có tứ cận:

Phía Tây giáp nương nước;

Phía Đông và Phía Nam giáp đường bê tông;

Phía Bắc giáp đất ở ông Võ Công B1.

Diện tích thực tế phù hợp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Giá trị thửa đất: 251.190.000 đồng

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày tại bản khai:* anh và chị Nguyễn Thanh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C Gia Lai vào năm 2005. Quá trình chung sống việc vợ chồng mâu thuẫn, lục đục là bình thường, nhưng vào tháng 3/2024 sau khi đi uống rượu về vì bức xúc chuyện chị H bỏ bê việc gia đình, khi anh nhắc nhở chị Hồng T2 thái độ nên anh có tát chị H vài cái và chị H tự bỏ nhà đi và anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Còn việc chị H cho rằng anh đánh đập con và đuổi chị H ra khỏi nhà là không đúng. Việc mâu thuẫn vợ chồng là chuyện bình thường gia đình nào cũng gặp phải, vì con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 02 con chung: Nguyễn Đức M, sinh ngày 15/11/2005 và Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 20/12/2009

Vì con chung Nguyễn Đức M đã trưởng thành, có thể tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với con chung Nguyễn Thị Hồng T1 muốn ở cùng với ai là tùy quyết định của con.

Về tài sản chung: anh không đồng ý việc chia tài sản.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết Ngoài ra anh không có ý kiến gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc nêu ý kiến đối với phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự, anh T chỉ có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất, còn những lần sau đó anh T đều được Tòa án thông báo bằng văn bản, tuy nhiên không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- **Về hôn nhân:** Theo chị H trình bày thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng khoảng 05 năm trở lại đây thì vợ chồng phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do anh T gia trưởng, mọi việc trong gia đình anh T tự ý quyết định, mỗi lần anh T uống rượu vào là đánh đập vợ con, anh T cũng thừa nhận việc anh có dùng bạo lực đối với chị H. Vì như thế nên chị H đã sống ly thân với anh T từ tháng 3/2024 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh T không còn hạnh phúc, lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh T là có căn cứ để chấp nhận.

- **Về con chung:** Anh, chị có 02 con chung là: Nguyễn Đức M, sinh ngày 15/11/2005 và Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 20/12/2009, cháu M đã thành niên có khả năng lao động và tự lập nên chị H không yêu cầu giải quyết. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị H cho rằng chị tôn trọng ý kiến của con nếu con muốn ở với anh T thì chị đồng ý. Riêng anh T cho rằng các con đã lớn và muốn ở với ai là quyền của các con. Qua bản tự khai **cháu** T1 có nguyện vọng ở với bố.

Do đó, xét thấy nhằm tránh sự xáo trộn gây ảnh hưởng đến tâm lý phát triển của cháu T1 và xét nguyện vọng của cháu muốn được ở với anh T nên việc giao cháu T1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Do đó, áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 20/12/2009 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho anh T nếu anh T yêu cầu. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh T không đề cập giải quyết nên không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Chị H yêu cầu chia những tài sản sau.

\* **Tài sản thứ nhất trị giá: 678.167.351 đồng.**

Thửa đất số 76, tờ bản đồ 97, diện tích 1.783,1m<sup>2</sup>, trong đó có 400 m<sup>2</sup>, đất ở tại nông thôn). Địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã N, huyện C, tỉnh G. Đã được Sở T3 cấp giấy CNQSDĐ số DI 514613 ngày 08/5/2023 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H

\* **Tài sản thứ hai trị giá: 549.900.000 đồng.**

Thửa đất số 17 dãy H, tờ bản đồ 00, diện tích 180m<sup>2</sup>, toàn bộ là đất ở. Địa chỉ thửa đất tại thôn F, xã N, huyện C, tỉnh G. Đã được UBND huyện C cấp giấy CNQSDĐ số BK 922361 ngày 02/8/2012 cho bà Phan Thị Hiền L, ngày 06/9/2012 bà L chuyển nhượng toàn bộ cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H. Trên đất không có tài sản gì.

\* **Tài sản thứ ba trị giá: 251.190.000 đồng.**

Thửa đất số 944 (nay là thửa 1055), tờ bản đồ 09, diện tích 279,1m<sup>2</sup>, toàn bộ là đất ở tại nông thôn. Địa chỉ thửa đất tại khu C, thôn P, xã T, huyện T, tỉnh B. Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy CNQSDĐ số CG 194931 ngày

22/5/2017 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H. Trên đất không có tài sản gì.

Đối với tài sản thứ nhất chị H có nguyện vọng giao cho anh T quản lý sử dụng vì hiện nay anh T và con đang sử dụng.

Đối với tài sản thứ hai và thứ ba có tổng trị giá 801.090.000 đồng. Xét thấy việc chị H yêu cầu giao cho chị quản lý sử dụng và chị đồng ý trả lại cho anh Toàn phần giá trị chênh lệch. Xét thấy yêu cầu của chị H là phù hợp và có căn cứ.

- **Về nghĩa vụ chung:** Không yêu cầu nên không đề cập xử lý.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 147, 157, 165 BLTTDS 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc chị H và anh T phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với tài sản được chia và chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản theo quy định. Riêng chị H phải chịu thêm án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị H tự nguyện chịu toàn bộ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T có địa chỉ Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thanh H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn tại UBND xã N, huyện C Gia Lai vào năm 2005. Việc kết hôn của anh chị đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn theo như chị H trình bày là do anh T gia trưởng, bảo thủ, mọi việc đều tự ý quyết định mà không có sự đồng ý của vợ. Anh toàn hay uống rượu về nhà đánh vợ, chửi mắng con. Mâu thuẫn đỉnh điểm xảy ra vào tháng 3/2024, anh T nhậu nhẹt về đánh chị và đuổi chị ra khỏi nhà nên anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh T chỉ có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất và trình bày anh không đồng ý ly hôn, còn những lần sau đó anh T đều được Tòa án thông báo bằng văn bản, tuy nhiên không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tổ chức hòa giải, thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm để cùng chị H đoàn tụ gia đình. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51,

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thanh H xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2.2. Về con chung: anh chị có 02 con chung: Nguyễn Đức M, sinh ngày 15/11/2005 và Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 20/12/2009. Nguyễn Đức M đã trưởng thành, có thể tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Thị Hồng T1, chị H có nguyện vọng nuôi con chung, anh T đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con. Con chung Nguyễn Thị Hồng T1 có nguyện vọng được ở với bố. **Chị H tôn trọng ý kiến của con nên đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.**

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T đã được Tòa án giải thích về việc có yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con hay không nếu con chung do anh trực tiếp dưỡng nhưng anh T không chịu trình bày trong bản khai và biên bản hòa giải. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh T cũng không có ý kiến yêu cầu gì nên phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết khi nào anh T có yêu cầu.

2.4. Về tài sản chung: Tài sản chung mà chị H yêu cầu phân chia gồm có:

- Đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 97 có diện tích 1783,1m<sup>2</sup> tại Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Trên đất có: 01 căn nhà chính trị giá: 343.584.231 đồng; Chuồng heo, chuồng gà, kho, nhà tạm trị giá: 14.543.070 đồng; Công, trụ, tường rào, giếng trị giá: 4.301.800 đồng; Giá trị đất: 303.127.000 đồng; Cây cối trên đất trị giá: 12.611.250 đồng. Tổng giá trị bằng tiền: 678.167.351 đồng. Diện tích thực tế phù hợp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 17 dãy H, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m<sup>2</sup> tại Thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Diện tích thực tế phù hợp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị thửa đất: 549.900.000 đồng.

- Thửa đất số 944 (hiện nay là thửa 1055), tờ bản đồ số 09, diện tích 279,1m<sup>2</sup> tại Khu C, thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định. Diện tích thực tế phù hợp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị thửa đất: 251.190.000 đồng.

Những tài sản trên đều hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh T và chị H. Chị H đề nghị chia khối tài sản trên theo quy định pháp luật. Anh T không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng vì cho rằng tài sản phần lớn là công sức đóng góp của anh và anh cũng muốn để lại cho con chung. Tuy nhiên, anh T không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đồng thời cũng vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử. Xét thấy 03 khối tài sản trên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều đứng tên chung là ông T và bà H, anh T cũng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh được đóng góp nhiều hơn bao nhiêu phần trong khối tài sản này. Nên căn cứ theo Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tài sản chung vợ chồng thì 03 khối tài sản này được coi là tài sản chung của chị H với anh T. Do anh T và chị H cũng không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung, nên Áp dụng Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 213 và Điều 219 Bộ Luật dân sự năm 2015, xác định, phân chia mỗi người có 50% phần quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với khối tài sản này.

Theo nguyện vọng của chị H được nhận bằng hiện vật là 02 thửa đất: Thửa đất số 17 dãy H, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m<sup>2</sup> tại Thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai và Thửa đất số 944(hiện nay là thửa 1055), tờ bản đồ số 09, diện tích 279,1m<sup>2</sup> tại Khu C, thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định còn giao lại căn nhà trên thửa đất số 76, tờ bản đồ số 97 có diện tích 1783,1m<sup>2</sup> tại Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai cho anh T quản lý, sử dụng, chị H trả lại giá trị tiền chênh lệch cho anh T. Xét thấy yêu cầu này của chị H là phù hợp vì để bảo đảm công năng sử dụng đồng thời từ khi ly thân đến nay anh T và con chung đang sinh sống tại căn nhà này ổn định nên chấp nhận yêu cầu này của chị H.

Căn cứ điều 213, 219 Luật dân sự năm 2015; Điều 33, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình năm 2015. Tài sản chung của chị H và anh T được chia như sau:

**Tổng giá trị tài sản chung là: 1.479.257.351 đồng**

**-Chị Nguyễn Thanh H được sở hữu phần tài sản tương đương giá trị là: 739.628.676 đồng (bảy trăm ba mươi chín triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi sáu đồng).**

**Giao cho chị Nguyễn Thanh H được quyền quản lý, sử dụng:** thửa đất theo Giấy CNQSDĐ số CG 194931, thửa số 944 (hiện nay là thửa số 1055), tờ bản đồ số 09, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 22/5/2017 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H, giá trị 251.190.000 đồng và thửa đất theo Giấy CNQSDĐ số BK 922361, thửa đất số 17 dãy H, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m<sup>2</sup> tại Thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/8/2012 cho bà Phan Thị Hiền L chuyển nhượng toàn bộ cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H (chỉnh lý ngày 06/9/2012). **Giá trị thửa đất: 549.900.000 đồng.** Tổng giá trị tài sản giao cho bà H là 801.090.000 đồng. Bà Nguyễn Thanh H có trách nhiệm thanh toán lại giá trị chênh lệch cho ông Nguyễn Văn T số tiền: **61.461.325 đồng.**

**-Anh Nguyễn Văn T được sở hữu phần tài sản tương đương giá trị là: 739.628.676 đồng (bảy trăm ba mươi chín triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi sáu đồng).**

**Giao cho anh Nguyễn Văn T được sở hữu, quản lý, sử dụng:** thửa đất theo Giấy CNQSDĐ số DI 514613, thửa số 76, tờ bản đồ số 97, Sở Tài nguyên & môi trường tỉnh T3 cấp ngày 08/05/2023 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H, diện tích 1.783,1m<sup>2</sup>, trên đất có 01 ngôi nhà xây, diện tích 142,96m<sup>2</sup> xây năm 2016, cùng tường rào, công trình phụ, giếng nước và các loại cây trồng (chi tiết theo biên bản thẩm định ngày 18/10/2024) ở tại thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. **Tổng giá trị là 678.167.351 đồng.**

[3] Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí Xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 21.417.000 đồng. **Chị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng này không yêu cầu anh T phải chịu. Chị H đã nộp đủ.**

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

300.000 đồng theo quy định của pháp luật. Anh T và chị H phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được nhận theo quy định pháp luật như sau:

-Chị Nguyễn Thanh H phải chịu án phí tài sản là:  $[20.000.000đ + (4\% \times 339.628.676đ)] = 33.585.147$  đồng.

-Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí tài sản là:  $[20.000.000đ + (4\% \times 339.628.676đ)] = 33.585.147$  đồng.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, 219, 220 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 33, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: anh chị có 02 con chung: Nguyễn Đức M, sinh ngày 15/11/2005 và Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 20/12/2009.

Giao con chung là Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 20/12/2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân hoặc con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi sống bản thân.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.*

Con chung Nguyễn Đức M đã thành niên và có khả năng lao động, chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung được phân chia như sau:

-Chị Nguyễn Thanh H được sở hữu phần tài sản tương đương giá trị là: 739.628.676 đồng (bảy trăm ba mươi chín triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi sáu đồng).

*Giao cho chị Nguyễn Thanh H được quyền quản lý, sử dụng: thửa đất theo Giấy CNQSDĐ số CG 194931, thửa số 944 (hiện nay là thửa số 1055), tờ bản đồ số*

09, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 22/5/2017 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H, đất trống, diện tích 279,1m<sup>2</sup>, tại Khu C, thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định, giá trị 251.190.000 đồng và thửa đất theo Giấy CNQSDĐ số BK 922361, thửa đất số 17 dãy H, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m<sup>2</sup> tại Thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/8/2012 cho bà Phan Thị Hiền L chuyển nhượng toàn bộ cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H (chỉnh lý ngày 06/9/2012). **Giá trị thửa đất: 549.900.000 đồng.** Tổng giá trị 02 thửa đất là 801.090.000 đồng. (có trích lục 02 thửa đất kèm theo).

Chị Nguyễn Thanh H có trách nhiệm thanh toán lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 61.461.325 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng).

Chị Nguyễn Thanh H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền giải quyết chuyển quyền sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

**-Anh Nguyễn Văn T được sở hữu phần tài sản tương đương giá trị là: 739.628.676 đồng (bảy trăm ba mươi chín triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi sáu đồng).**

**Giao cho anh Nguyễn Văn T được sở hữu, quản lý, sử dụng:** thửa đất theo Giấy CNQSDĐ số DI 514613, thửa số 76, tờ bản đồ số 97, Sở Tài nguyên & môi trường tỉnh T3 cấp ngày 08/05/2023 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H, diện tích 1.783,1m<sup>2</sup>, trên đất có 01 ngôi nhà xây, diện tích 142,96m<sup>2</sup> xây năm 2016, cùng tường rào, công trình phụ, giếng nước và các loại cây trồng (chi tiết theo biên bản thẩm định ngày 18/10/2024) ở tại thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Tổng giá trị là 678.167.351 đồng.

Anh T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền giải quyết chuyển quyền sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

Kể từ ngày các bên có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

**4. Về án phí:** Căn cứ các Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc chị Nguyễn Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp trước đây theo biên lai số 0008221 ngày 02 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh.

**Buộc chị Nguyễn Thanh H phải chịu án phí tài sản được hưởng là: 33.585.147 đồng, được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng 18.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008262 ngày 05/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, Chị H còn phải nộp thêm số tiền án phí là: 15.585.147 đồng (Mười lăm triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn một trăm bốn mươi bảy đồng)**

**Buộc anh Nguyễn Văn T chịu án phí tài sản được hưởng là: 33.585.147 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn một trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).**

Về chi phí Xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 21.417.000 đồng.  
**Chị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng này và chị đã nộp đủ .**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (21/01/2025), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên tòa án tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

*Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia lai;
- VKSND H.Chư Păh;
- THA DS H.Chư Păh;
- Đương sự;
- UBND xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh;
- Lưu HS VTTA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nguyễn Văn Bảo*

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**